

Số: 134 /QĐ-PGDĐT

Vinh, ngày 04 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Vinh về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết quả thẩm định chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 của các tổ chuyên môn THCS, Tiểu học và Mầm non;

Xét Tờ trình của các trường THCS, Tiểu học, Mầm non về việc phê duyệt chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của các Tổ chuyên môn THCS, Tiểu học, Mầm non.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 của các trường THCS, Tiểu học, Mầm non (có danh sách kèm theo)

(Ban hành kèm theo Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và Biên bản thẩm định của Phòng Giáo dục và Đào tạo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận Văn phòng, Tổ chuyên môn THCS và Hiệu trưởng trường THCS, Tiểu học, Mầm non (có tên trong danh sách đính kèm) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*Ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Tổ CM THCS; TH, MN;
- Lưu: VT.



Hoàng Phương Thảo

DANH SÁCH
PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021- 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/QĐ-PGDĐT ngày 04/3/2021)

TT	Đơn vị	Ghi chú
1	Trường MN Bến Thủy	
2	Trường MN Bình Minh	
3	Trường MN Cửa Nam	
4	Trường MN Đội Cung	
5	Trường MN Đông Vĩnh	
6	Trường MN Hà Huy Tập	
7	Trường MN Hoa Hồng	
8	Trường MN Hồng Sơn	
9	Trường MN Hưng Bình	
10	Trường MN Hưng Chính	
11	Trường MN Hưng Đông	
12	Trường MN Hưng Dũng 1	
13	Trường MN Hưng Dũng 2	
14	Trường MN Hưng Hòa	
15	Trường MN Hưng Lộc	
16	Trường MN Lê Lợi	
17	Trường MN Lê Mao	
18	Trường MN Nghi Ân	
19	Trường MN Nghi Đức	
20	Trường MN Nghi Kim	
21	Trường MN Nghi Liên	
22	Trường MN Nghi Phú	
23	Trường MN Quang Trung 1	
24	Trường MN Quang Trung 2	
25	Trường MN Sao Mai	



TT	Đơn vị	Ghi chú
54	Trường TH Trung Đô	
55	Trường TH Trường Thi	
56	Trường TH Vinh Tân	
57	Trường TH Hưng Phúc	
58	Trường THCS Bến Thủy	
59	Trường THCS Cửa Nam	
60	Trường THCS Đặng Thai Mai	
61	Trường THCS Đội Cung	
62	Trường THCS Hà Huy Tập	
63	Trường THCS Hồng Sơn	
64	Trường THCS Hưng Bình	
65	Trường THCS Hưng Chính	
66	Trường THCS Hưng Dũng	
67	Trường THCS Hưng Hoà	
68	Trường THCS Hưng Lộc	
69	Trường THCS Lê Lợi	
70	Trường THCS Lê Mao	
71	Trường THCS Nghi Ân	
72	Trường THCS Nghi Đức	
73	Trường THCS Nghi Kim	
74	Trường THCS Nghi Liên	
75	Trường THCS Nghi Phú	
76	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	
77	Trường THCS Quán Bàu	
78	Trường THCS Quang Trung	
79	Trường THCS Trung Đô	
80	Trường THCS Trường Thi	
81	Trường THCS Vinh Tân	

VC
DVC
AO

Số: 89 /CL-MN

Nghi An, ngày 04 tháng 9 năm 2020

CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON GIAI ĐOẠN 2020 – 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Văn bản số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;
- Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2020-2025;
- Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Vinh, khóa XXIV nhiệm kỳ 2020-2025;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XXX Đảng bộ xã Nghi An nhiệm kỳ 2020-2025;
- Căn cứ tình hình thực tiễn của Trường mầm non Nghi An tại thời điểm tháng 9 năm 2020,

Trường mầm non Nghi An xây dựng kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 như sau:

II. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH

1. Tình hình kinh tế - xã hội xã Nghi An

Xã Nghi An là xã ngoại thành của thành phố Vinh, luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp lãnh đạo, ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn nên tình hình an ninh trật tự ổn định, kinh tế-văn hóa -xã hội có nhiều bước phát triển, các vấn đề xã hội được quan tâm giải quyết, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao; mạng lưới trường, lớp mầm non phát triển mạnh. Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương đạt được hiệu quả cao, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học và xây

dựng quỹ khuyến học, khuyến tài. Trong những năm qua, địa phương đã đầu tư xây dựng các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia.

Hiện nay trên địa bàn xã Nghi Ân có 01 trường mầm non công lập và 6 cơ sở mầm non độc lập tư thục. Hàng năm tỷ lệ huy động trẻ đến trường đối với trẻ 5 tuổi đạt 100%, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 70% trở lên. Với thực tế nhu cầu cho trẻ đến trường của phụ huynh chưa đáp ứng đủ nên trong những năm qua áp lực về công tác tuyển sinh ở trường mầm non Nghi Ân cao.

Trường mầm non Nghi Ân tiền thân là trường mẫu giáo Nghi Ân được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 9 năm 1974, sau chuyển thành trường mầm non bán công xã Nghi Ân. Đến năm 2011 trường được chuyển từ trường mầm non bán công sang công lập và đổi tên thành trường mầm non Nghi Ân được Chủ tịch UBND thành phố Vinh ký quyết định chuyển đổi loại hình trường số: 2165/QĐ-UBND.VX ngày 21/6/2011.

Nhà trường được UBND Thành phố Vinh đầu tư xây dựng địa điểm tại khu trung tâm UBND xã Nghi Ân. Tổng diện tích là 3173 m², trong đó diện tích phòng học là 1080 m², diện tích sân chơi là 1300 m². Trường xây dựng gồm 14 phòng học và các phòng chức năng cùng với hệ thống trang thiết bị đồng bộ hiện đại đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo yêu cầu.

Trong hơn 40 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Từ năm 1995 - 2008 liên tục đạt trường tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc; lá cờ đầu của ngành học mầm non tỉnh Nghệ An. Từ năm 2009 - 2010 đến nay trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc cấp Tỉnh. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc, Chi bộ nhiều năm liền đạt “Trong sạch vững mạnh tiêu biểu”. Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2004-2010. Trường được công nhận chuẩn Quốc gia mức độ 2 từ năm học 2013-2014, được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp độ 3 vào năm học 2014-2015. Được UBND tỉnh tặng Bằng khen trong nhiều năm học.

a. Thuận lợi:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, UBND thành phố Vinh, Đảng ủy – UBND xã Nghi Ân. Đặc biệt nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Vinh cùng với sự quan tâm kết hợp chặt chẽ của Ban đại diện hội cha mẹ học sinh.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động...

b. Khó khăn:

Số dân cư đến lao động trên địa bàn xã đông nên số trẻ ở độ tuổi mầm non tăng nhanh, nhu cầu gửi con của phụ huynh ngày càng cao tạo áp lực sỹ số trẻ/lớp hàng năm cao ở tất cả các độ tuổi.

Cơ sở vật chất các phòng học, phòng chức năng còn thiếu.

Trình độ nhận thức của cha mẹ học sinh chưa đồng đều, một số cha mẹ trẻ chưa thực sự quan tâm đến công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Tình hình trường mầm non Nghi Ân

2.1. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổng số CBCNV: 32 người (CBQL : 03; GV: 27 ; NV: 02).

Trong đó số GV có trình độ trên chuẩn: 21/27; Tỷ lệ: 77,8%.

(Có Phụ biểu 1 chi tiết kèm theo.)

- Các tổ chức chính trị: 01 chi bộ gồm: 19 đảng viên.

01 chi đoàn thanh niên: 22 đoàn viên.

01 tổ chức công đoàn: 32 đoàn viên.

- Tỷ lệ giáo viên, nhân viên hiện nay đảm bảo đủ định biên theo quy định của Tỉnh;

- Công tác tổ chức quản lý của Ban giám hiệu: Cơ bản có tầm nhìn chiến lược lâu dài, có định hướng và có các kế hoạch cụ thể, phù hợp với thực trạng của Đơn vị qua từng giai đoạn để xây dựng và phát triển nhà trường.

2.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

+ Tổng diện tích khuôn viên trường 3.173 m²

+ Phòng học: 14; phòng ngủ: 10 phòng; phòng vệ sinh cho trẻ 12 phòng; phòng chức năng: 05; sân chơi có trên 10 loại đồ chơi.

+ Các nhóm lớp đảm bảo đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT Danh mục Đồ dùng – Đồ chơi – Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

(Có Phụ biểu 2 chi tiết kèm theo.)

2.3. Tình hình trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, dự báo quy mô lớp, học sinh

- Số liệu nhóm, lớp và trẻ mầm non của trường tại thời điểm lập Kế hoạch năm học 2020-2021 như sau:

- Tổng số nhóm lớp: 14. Trong đó: 1 nhóm trẻ và 13 lớp mẫu giáo.

- Tổng số trẻ: 522 trẻ. Trong đó:

+ Nhà trẻ: 32 trẻ.

+ Mẫu giáo: 490 trẻ.

Mẫu giáo 5-6 tuổi: 227 trẻ,

Mẫu giáo 4-5 tuổi: 185 trẻ.

Mẫu giáo 2-3 tuổi: 78 trẻ.

- Dự báo tình trẻ MN trên địa bàn xã ra lớp, quy mô nhóm, lớp và học sinh cụ thể cho từng năm học giai đoạn 2020-2025.

(Có Phụ biểu 3 chi tiết kèm theo.)

2.4. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ

Trẻ đến trường ngoan ngoãn, lễ phép, phát triển bình thường, trẻ khuyết tật được chăm sóc giáo dục được đánh giá có tiến bộ.

Tỷ lệ trẻ có cân nặng bình thường: 98,0%.

Tỷ lệ trẻ nhẹ cân: 2,0%.

Tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường: 97,0%.

Tỷ lệ trẻ thấp còi: 3,0%.

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì: 2,8%.

(Có Phụ biểu 4 chi tiết kèm theo.)

Từ phân tích tình hình nhà trường, rút ra:

- Điểm mạnh của nhà trường:

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ theo điều lệ trường mầm non. Có tư cách đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn đạt 77,8%. Qua các đợt thanh tra, kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ từ khá trở lên. Số giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp thành phố hàng năm từ 4-5 người, 100% đạt danh hiệu lao động tiên tiến, hàng năm có 3-4 giáo viên được công nhận chiến sỹ thi đua cấp cơ sở;

Công tác kiểm tra đánh giá và thúc đẩy về mọi mặt được đánh giá kịp thời, khách quan và đã có những định hướng về công tác xây dựng chất lượng đội ngũ, bồi dưỡng cán bộ nguồn, và chất lượng nhà trường. Ban giám hiệu có năng lực lãnh đạo, ý thức trách nhiệm cao trong công việc được giao, biết tổ chức, xây dựng kế hoạch để thực hiện các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn;

Nhà trường đã từng bước ổn định và đang phát triển vững chắc về mọi mặt, đã và đang có những định hướng cơ bản và được chính quyền địa phương quan tâm ủng hộ.

Nhiều năm trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, được UBND Tỉnh tặng Bằng khen. Chỉ bộ nhiều năm liên tục trong sạch vững mạnh tiêu biểu, được Tỉnh ủy tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen.

- Điểm yếu của nhà trường:

Nhà trường còn một vài giáo viên tuổi cao nên thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy còn hạn chế.

Cơ sở vật chất của nhà trường chưa đầy đủ về phòng học, phòng phục vụ học tập, phòng chức năng. Diện tích đất của nhà trường chưa đảm bảo quy định.

• Nguyên nhân khách quan

Số giáo viên tuổi cao chuẩn bị nghỉ hưu nên không có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng.

Diện tích đất xung quanh trường không còn để mở rộng. Các phòng học, phòng phục vụ học tập, phòng chức năng chưa được UBND xã đầu tư xây dựng kịp thời.

- **Nguyên nhân chủ quan**

Việc tự bồi dưỡng của giáo viên có tuổi cao còn hạn chế.

Nhà trường chưa dự báo chính xác về tình hình phát triển của dân số để tham mưu xây dựng cơ sở vật chất kịp thời.

Kết hợp tình hình KT-XH của xã Nghi Ân và tình hình nhà trường, rút ra:

- **Thời cơ:**

Trong 05 năm tới nhà trường tiếp tục nhận được sự quan tâm của UBND thành phố Vinh, phòng Giáo dục và Đào tạo đã có những chiến lược phát triển phù hợp, quan tâm đến hệ thống giáo dục trong đó có bậc học mầm non nói chung và trường mầm non Nghi Ân nói riêng;

Kinh tế - xã hội địa phương ổn định và đang trên đà phát triển, cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã có những định hướng quan tâm, chỉ đạo đặc biệt đối với công tác giáo dục của nhà trường công tác tài trợ giáo dục, tuyên sinh, PCGDTENT) đặc biệt quan tâm xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cho nhà trường;

Các phong trào học tập, phong trào dạy học được ngành phát động, triển khai đã phần nào làm thay đổi nhận thức, hành động của đội ngũ nhà giáo.

- **Thách thức:**

Cơ sở vật chất của nhà trường một số hạng mục xuống cấp, các hạng mục mang tính hiện đại chưa nhiều, kinh phí để mua sắm, cải tạo hạn chế.

Trên địa bàn xã có nhiều trường học, riêng bậc học mầm non có 1 trường công lập và 06 cơ sở mầm non độc lập tự thực tuy nhiên áp lực từ nhu cầu cho trẻ đến trường mầm non công lập từ phụ huynh cao.

Các cơ chế cho bậc học mầm non thành phố chưa có nên nhà trường gặp một số khó khăn nhất định trong việc tổ chức các hoạt động, đặc biệt là các hoạt động tham quan trải nghiệm, hoạt động dịch vụ tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tính sáng tạo, chủ động của đội ngũ còn nhiều hạn chế.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1. Sứ mệnh

Xây dựng một nhà trường có tính kỉ luật, kỷ cương cao trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và lao động; có tình thương với đồng nghiệp, học sinh, biết thương yêu giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau; có trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả; trung thực, thẳng thắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; khách quan, dân chủ trong thực thi nhiệm vụ. Đáp ứng mục tiêu Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một.

2. Tầm nhìn

Xây dựng một ngôi trường thân thiện, văn minh, chất lượng và hiệu quả. Một môi trường để giáo viên rèn luyện, phát huy năng lực bản thân. Là ngôi nhà chung của trẻ để trẻ thực sự mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Là địa chỉ tin cậy của các bậc phụ huynh.

3. Giá trị cốt lõi

- Tinh thần trách nhiệm, đoàn kết;
- Thái độ thân thiện, nhân ái, trung thực;
- Ý chí phấn đấu vươn lên.

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung

Ổn định, phát triển, xây dựng đơn vị có uy tín về mọi mặt, tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, các chương trình dạy học tiên tiến, duy trì các tiêu chuẩn theo quy định trường mầm non được công nhận đạt chất lượng kiểm định cấp độ 3, đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2.

4.2. Mục tiêu cụ thể

4.2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo quy định. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề mến trẻ, quan điểm lập trường vững vàng, luôn chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của đảng, pháp luật của Nhà nước, không vi phạm đạo đức giáo, thực hiện tốt bộ qui tắc ứng xử;

- Chất lượng đội ngũ: Xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Mức tốt 03/03 tỷ lệ 100%; Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV: Tốt: 13/27 tỷ lệ 48,1%; Khá: 14/27 tỷ lệ 51,9%; Giáo viên giỏi cấp trường 27/27 tỷ lệ 100%, cấp thành phố 20%,

- 100% cán bộ, giáo viên, CNV biên chế sử dụng thành thạo máy tính; nhận, gửi, lưu trữ thư điện tử khoa học, hiệu quả.

- Đến năm 2021 số tiết dạy có sử dụng công nghệ thông tin đạt 100%;

- Hằng năm đạt các danh hiệu thi đua: Chiến sĩ thi đua cơ sở 15%, Lao động tiên tiến 100%;

- Phát triển 02 Đảng viên mới hàng năm; Chi bộ luôn đạt "Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

4.2.2. Qui mô nhóm, lớp

2020- 2021		2021- 2022		2022- 2023		2023- 2024		2024- 2025	
Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ
14	522	14	492	14	474	16	523	16	550

4.2.3. Chất lượng chăm sóc - giáo dục

- Thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non; Tỷ lệ chuyên cần: Nhà trẻ: 90%, Mẫu giáo 3-4 tuổi: 90%, MG 5-6 tuổi: 95%; Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối giai đoạn: Nhà trẻ: 88%, Mẫu giáo: 96%; 100% trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ 3 lần/năm; khám sức khỏe 2 lần/năm, giảm tỷ lệ trẻ SDD dưới 2%.

- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đạt từ 100%. Hoàn thành PCGDMNTENT.

- Hàng năm tổ chức các hội thi, các hoạt động tham quan giao ngoại, rèn luyện kỹ năng sống, tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

4.2.4. Cơ sở vật chất.

Xây dựng trường mầm non đạt các tiêu chuẩn về quy định trường chuẩn Quốc gia Mức độ 2 theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non;

Đồ dùng, đồ chơi đảm bảo đủ theo quy định Thông tư số 01/VBHN ngày 23/3/2015 Thông tư ban hành danh mục ĐDDC TBDH tối thiểu dành cho GDMN.

5. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

5.1. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

5.1.1. Nhiệm vụ

- Phát huy vai trò lãnh đạo của Chi bộ Đảng, phân công, phân nhiệm cho từng cá nhân và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ.

- Xây dựng bộ máy quản lý, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; xây dựng khối đoàn kết nội bộ để đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Đơn vị.

5.1.2. Giải pháp

- Thường xuyên tổ chức các buổi học tập các Nghị quyết, chỉ thị, các văn bản, Điều lệ trường Mầm non, các văn bản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường;

- Tổ chức thường xuyên các chuyên đề dạy học, tổ chức cho giáo viên nòng cốt được tham gia giao lưu học tập ở các trường thuận lợi;

- Cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị theo đúng kế hoạch.

- Gắn trách nhiệm của từng cá nhân đối với công việc được giao. Tổ chức tập huấn, có chiến lược bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ để đáp ứng với yêu cầu công việc của nhà trường trong giai đoạn hiện nay;

- Ra nghị quyết chuyên đề gắn liền trách nhiệm của mỗi CB, GV, CNV và yêu cầu giáo viên thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng, trau dồi đạo đức, lương tâm trách nhiệm của nhà giáo để có được sự mẫu mực, uy tín đối với đồng nghiệp cũng như đối với phụ huynh và học sinh;

- Kiểm tra hồ sơ giáo viên theo kế hoạch, đột xuất. Tăng cường dự giờ thăm lớp, xây dựng các hoạt động mẫu, hoạt động sáng tạo; tạo cơ hội cho giáo viên trẻ dạy kiến tập tổ... để kịp thời điều chỉnh những thiếu sót, nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo từng tiêu chí, có minh chứng kèm theo để đánh giá phân loại giáo viên cuối năm học từ đó có những định hướng bố trí, sắp xếp và làm tốt công tác bồi dưỡng GV hàng năm.

5.2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện CSVC, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ

5.2.1. Nhiệm vụ

- Tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục củng cố các kết quả đã đạt được và phát triển trường lớp về mọi mặt trong năm học này và những năm học tiếp theo;

- Xây dựng phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ đủ cho các nhóm lớp; Phòng tin học, phòng giáo dục âm nhạc, phòng giáo dục thể chất; Phòng y tế và phòng dành cho nhân viên.

- Sử dụng tiết kiệm các nguồn kinh phí để đầu tư hệ thống máy tính, mạng, các thiết bị giáo dục khác theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài, đạt các tiêu chí về trường đạt tái Chuẩn Quốc gia mức 2 vào năm 2021.

5.2.2. Giải pháp

Tiếp tục tham mưu với UBND xã đầu tư cơ sở vật chất theo lộ trình. Tiết kiệm nguồn kinh phí để đầu tư trang thiết bị phục vụ chăm sóc giáo dục trẻ hàng năm. Tiếp tục huy động các nguồn đóng góp của CMHS, các tổ chức kinh doanh trên địa bàn xã để thực hiện sửa chữa nhỏ các phòng học, xây dựng cảnh quan nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, thống kê thiết bị, đồ dùng dạy học hết hạn sử dụng, đã hỏng để có kế hoạch mua sắm, sửa chữa đề nghị cấp bổ sung.

5.3. Đổi mới các hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng CSND và giáo dục trẻ

5.3.1. Nhiệm vụ

Thực hiện phát triển Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ; Tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện tốt chương trình GDMN có hiệu quả, sáng tạo, linh hoạt.

5.3.2. Giải pháp

- Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Chú trọng đẩy mạnh việc tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội của trẻ; Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, đặc biệt là các kỹ năng tự bảo vệ bản thân thông qua các hoạt động nhằm hình thành cho trẻ nề nếp, thói quen tốt. Vận dụng kiến thức, kỹ năng, áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào việc tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm” phù hợp

với điều kiện thực tế của trường, lớp và khả năng của trẻ. Tổ chức Hội thảo – tập huấn cấp trường, tham gia hội thảo cấp cụm để nâng cao năng lực thực hành cho GV về tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

- Tổ chức cuộc thi làm đồ dùng, đồ chơi từ nguyên vật liệu thiên nhiên và phế liệu. Tạo môi trường nhóm lớp, sân trường giúp trẻ có điều kiện thực hành, trải nghiệm; Không khuyến khích việc trang trí hình thức, ít mang lại hiệu quả giáo dục đối với trẻ; Khuyến khích giáo viên làm thêm các loại đồ chơi trải nghiệm cho trẻ; Tuy nhiên, phải được nhà trường thẩm định về tác dụng giáo dục và đảm bảo an toàn mới được sử dụng.

- Giáo viên xây dựng bộ tiêu chí đánh giá trẻ để hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục, chuẩn bị tâm thế cho trẻ em năm tuổi vào lớp Một; Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, hướng dẫn và nâng cao nhận thức của các bậc cha mẹ nhằm tạo sự thống nhất trong chăm sóc, giáo dục trẻ giữa nhà trường và gia đình.

- Nhà trường chỉ đạo các lớp xây dựng môi trường theo hướng mở. Chỉ đạo lớp điểm, xây dựng các tiết dạy mẫu, bố trí kèm cặp giáo viên yếu kém (đầu tư kinh phí, giáo án, dự giờ rút kinh nghiệm...).

- Khuyến khích cha mẹ trẻ phối kết hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động tham quan trải nghiệm cho trẻ theo kế hoạch của nhà trường và tự nguyện của cha mẹ học sinh. Phụ huynh đóng góp các nguyên vật liệu, phế liệu để tổ chức cho trẻ hoạt động.

- Phối hợp với Trung tâm Anh ngữ Quốc tế Sunflower tiếp tục triển khai Chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ trên nhu cầu thực tế và tự nguyện tham gia đóng góp kinh phí của cha mẹ học sinh. Nhà trường triển khai Chương trình, chủ động hợp đồng với trung tâm tiếng Anh tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về chất lượng.

5.4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

5.4.1. Nhiệm vụ

- Xây dựng và phát triển ý chí làm việc của tập thể, mỗi thành viên trong đơn vị đều phải có tư tưởng dám nghĩ, biết làm, nâng cao tính phê bình và tự phê bình của mỗi cá nhân, có định hướng cụ thể về hình ảnh của trường đến năm 2025.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng kế hoạch;

- Xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị, thực hiện tốt công khai, minh bạch;

- Thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về giáo dục mầm non;

- Ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dạy học và quản lý, điều hành nhà trường.

5.4.2. Giải pháp

Giảm bớt thủ tục hành chính trong công tác điều hành quản lý của Hiệu trưởng và các tổ chức đoàn thể như: Hạn chế các buổi hội họp, triển khai nhanh

đầy đủ và kịp thời các nội dung cần làm; Đổi mới cách đánh giá, kiểm tra, khắc phục kịp thời và đạt hiệu quả các sai sót hạn chế của từng cá nhân và các tổ chức đoàn thể; Làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với giáo viên và học sinh; đánh giá đúng năng lực thực của từng cá nhân; Bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với năng lực của từng cá nhân; tạo điều kiện cho những giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được tham gia học tập các lớp nâng chuẩn trong từng năm học; Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật lao động, đảm bảo ý thức trách nhiệm và nề nếp làm việc. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lý trong nhà trường qua các phần mềm như: Phần mềm tuyển sinh, phần mềm phổ cập, phần mềm VIETTEC...; Công tác tuyên truyền thực hiện qua trang thông tin điện tử của nhà trường.

5.5. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện

5.5.1. Nhiệm vụ

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn về mặt thể chất và tinh thần.
- 100% nhóm lớp xây dựng môi trường an toàn thân thiện với trẻ.

5.5.2. Giải pháp

- Quán triệt đến từng cán bộ, giáo viên những yêu cầu cần thực hiện trong Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ, Chỉ thị số 505/CT-BGDĐT ngày 20/02/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về các giải pháp xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện; phòng chống bạo lực học đường. Quán triệt đến CB, GV, NV chế tài xử lý kỷ luật đối với các hành vi xâm phạm thân thể người học theo *Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức* để giúp mọi người có ý thức tự giác phòng ngừa vi phạm.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, thu thập thông tin liên quan đến bạo lực học đường. Xử lý kịp thời các giáo viên, nhân viên có hành vi gây thương tích, xúc phạm trẻ em trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong CSGDMN theo Thông tư 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010 của Bộ GD&ĐT. Xây dựng và thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên của Ban giám hiệu nhà trường để có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố có nguy cơ gây tai nạn, thương tích cho trẻ.

- Phối hợp với cơ quan y tế địa phương xử lý kịp thời và đúng phác đồ sơ cứu ban đầu đối với trường hợp tai nạn, thương tích xảy ra.

5.6. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non

5.6.1. Nhiệm vụ

- 100% cán bộ, GV, NV thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ GD&ĐT về đổi mới và phát triển GDMN. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền về GDMN.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh được tuyên truyền đầy đủ kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và triển khai thực hiện bộ chuẩn phát triển cho trẻ em 5 tuổi.

- 100% lớp học có góc tuyên truyền phổ biến kiến thức cho các bậc cha mẹ.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung tuyên truyền cụ thể theo từng chủ đề, chủ điểm và từng giai đoạn.

5.6.2. Giải pháp

- Tuyên truyền vận động cha mẹ học sinh cho trẻ đến các cơ sở độc lập tự thực giảm áp lực về sỹ số trẻ trong trường mầm non.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để cha mẹ tham gia tổ chức hoạt động bán trú, hoạt động lễ hội, hoạt động trải nghiệm cho trẻ theo kế hoạch của nhà trường và tự nguyện của cha mẹ học sinh.

- Xây dựng góc tuyên truyền, tư vấn học đường cho các bậc cha mẹ cung cấp thông tin về trẻ (*sức khỏe, thể trạng, nhu cầu, hứng thú, ...*); từ đó, đưa ra ý kiến tư vấn về đảm bảo chế độ sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng tại gia đình.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông tới gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

- Tăng cường phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức phù hợp.

5.7. Thực hiện có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động

5.7.1. Nhiệm vụ

Chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả các phong trào và các cuộc vận động. Đặc biệt là cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" phong trào "Phòng giúp phòng, trường giúp trường"; Triển khai thực hiện chỉ thị 06-CT/TU ngày 29/3/2016 của Tỉnh Ủy về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của đơn vị.

5.7.2. Giải pháp

Làm tốt công tác nêu gương, khen thưởng các cá nhân điển hình trong các buổi Hội nghị, tổng kết, sơ kết; Đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tránh máy móc, sao chép... để giáo viên có thời gian đầu tư cho mục tiêu bài dạy nhằm "chăm sóc, giáo dục" trẻ tốt hơn; Đổi mới hình thức hội họp, đổi mới hình thức thảo luận với CMHS của các lớp, tạo sự gần gũi giữa phụ huynh học sinh với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, xây dựng một môi trường thực sự thân thiện.

5.8. Thực hiện có hiệu quả VSATTP, VSMT, làm tốt công tác đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ

5.8.1. Nhiệm vụ

Chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả đảm bảo dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường cho trẻ trong trường. Đội ngũ nhân viên cấp dưỡng phải được tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm...Hợp đồng thực phẩm đảm bảo chất lượng, giá cả và đầy đủ thủ tục.

5.8.2. Giải pháp

Đội ngũ nhân viên nấu ăn và Ban giám hiệu hàng năm phải được tập huấn kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm. Phân công phó hiệu trưởng phụ trách bán trú ký kết Hợp đồng thực phẩm đảm bảo chất lượng, giá cả và đầy đủ thủ tục,...Thực hiện tính khẩu phần ăn cho trẻ trên phần mềm VIETEC, thành lập ban kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, Ban chăm sóc sức khỏe; đẩy mạnh các hoạt động giám sát của ban Thanh tra nhân dân, Ban đại diện CMHS đối với công tác bán trú.

5.9. Tăng cường rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, làm quen ngoại ngữ, năng khiếu.

5.9.1. Nhiệm vụ

Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức các chuyên đề và ngoại khoá để giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ cho trẻ; xây dựng một số hoạt động giáo dục kỹ năng sống: Kỹ năng phòng hoả hoạn, xâm hại tình dục, kỹ năng đi dày dép, gấp quần áo, phòng tránh khi bị lạc, trao đổi lời nói yêu thương; Tổ chức các hội thi, các hoạt động tham quan dã ngoại. Tổ chức cho trẻ làm quen với Tiếng Anh, tổ chức các lớp Earobic, múa, võ thuật, vẽ cho trẻ khi cha mẹ trẻ có nguyện vọng.

5.9.2. Giải pháp

Xây dựng các kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp như giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ: rửa tay, tự múc cơm ăn, chải răng, thay quần áo, lau mặt... phù hợp với thực trạng đối tượng học sinh của từng lớp; Tăng cường tổ chức các hoạt động vui chơi, trò chơi học tập, trò chơi dân gian để rèn tính mạnh dạn, tự tin cho các em. Phối hợp BDD CMHS tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động trải nghiệm, tham quan dã ngoại cho trẻ. Phối hợp với các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm phát triển năng khiếu tổ chức các lớp cho trẻ tham gia khi CMHS đăng ký cho trẻ tham gia.

6. Kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược

Kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược bao gồm: kinh phí xây dựng, bổ sung hoàn thiện CSVC, trang thiết bị cho cả 5 năm; kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà trường trong cả 5 năm; kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trong 5 năm; kinh phí thi đua, khen thưởng trong giai đoạn 2020-2025.

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược: 27.587.000.000 đồng.

Kinh phí trên được huy động từ các nguồn:

- Trích từ nguồn hỗ trợ học phí hàng năm: 4.500.000.000 đồng;
- Từ nguồn vận động tài trợ hàng năm: 1.187.000.000 đồng;
- Từ nguồn ngân sách xã đầu tư xây dựng CSVC: 7.200.000.000 đồng;

- Đề nghị ngân sách thành phố hỗ trợ: 14.500.000.000 đồng;
- Từ các nguồn huy động hợp pháp khác: 200.000.000 đồng.

(Có Phụ biểu 5 chi tiết kèm theo)

7. Lộ trình thực hiện Kế hoạch chiến lược

- Thực hiện từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025. (Có Phụ biểu 6 chi tiết kèm theo)

- Triển khai kế hoạch chiến lược đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên CNV, báo cáo lên các cơ quan quản lý xin ý kiến chỉ đạo;

- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của nhà trường, thu thập ý kiến đóng góp, bổ sung cho kế hoạch;

7.1. Các phong trào thi đua các cuộc vận động

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động: “Học tập làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh”; “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học sáng tạo”; phong trào “Phòng giúp phòng - Trường giúp trường”; tham gia ủng hộ các loại quỹ từ thiện xã hội, ủng hộ học sinh nghèo đến trường của các huyện miền núi.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên cam kết thực hiện: Thực hiện pháp lệnh dân số KHH GD, Quy chế ứng xử trong trường học. không sử dụng tàng trữ và sử dụng các chất cháy nổ, ma túy, ANTH, ATGT, không thu các khoản thu ngoài quy định..

7.2. Xây dựng cơ sở vật chất trường lớp:

- Năm học 2020 - 2021

+ Tham mưu với UBND xã khởi công xây dựng dãy nhà học, nhà phục vụ học tập vào đầu năm 2021.

+ Tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình xây dựng trong năm 2020; Thay thế bệ vệ sinh cho 03 phòng học, lát lại nền chống thấm 03 phòng vệ sinh và 01 phòng học.

+ Mua bổ sung đồ dùng bán trú; Mua bổ sung đồ dùng theo quy định cho các nhóm lớp; Mua sắm đồ dùng cho các phòng giáo dục âm nhạc, tin học, ngoại ngữ, phòng giáo dục thể chất.

- Năm học 2021- 2022

+ Thay thế bệ vệ sinh cho 03 phòng học; Làm lại biển trường.

+ Mua sắm bổ sung đồ dùng phục vụ bán trú, mua bổ sung một số giá tủ cho trẻ.

+ Làm lam che nắng cho các phòng học mới.

- Năm học 2022- 2023

+ Bổ sung một số đồ chơi ngoài trời bị hư hỏng;

+ Mua sắm bổ sung ĐDDC theo số 01/VBHN ngày 23/3/2015 Thông tư ban hành danh mục ĐDDC TBDH tối thiểu dành cho GDMN.

- Năm học 2023- 2024

- + Mua bổ sung đồ dùng đồ chơi bị hư hỏng.
- + Sửa chữa gạch một số lớp bị bong rộp, sửa lại hệ thống điện nước.

- Năm học 2024- 2025

+ Cải tạo sân phía trước của trường; làm mái che mưa nắng cho các lớp bị hư hỏng, bổ sung đồ dùng đồ chơi bị hư hỏng, sửa chữa gạch một số lớp bị bong rộp.

+ Tham mưu UBND xã xây dựng cơ sở mới đảm bảo các yêu cầu về cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; chuẩn bị các điều kiện công nhận lại trường mầm non đạt Chuẩn Quốc gia trong giai đoạn tiếp theo.

8. Tổ chức thực hiện

Phân tổ chức thực hiện cần chỉ rõ nhiệm vụ cụ thể của các đối tượng trong việc thực hiện Kế hoạch chiến lược. Cụ thể:

8.1. Đối với Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm để nhằm cụ thể hóa Kế hoạch chiến lược; theo dõi việc thực hiện Kế hoạch chiến lược, kịp thời xây dựng phương án điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết; bố trí các nguồn lực đảm bảo để thực hiện Kế hoạch chiến lược; phối hợp các lực lượng để thực hiện Kế hoạch,...

8.2. Đối với Phó Hiệu trưởng: Giúp Hiệu trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ hàng năm trên lĩnh vực được phân công,...

8.3. Đối với Tổ trưởng chuyên môn: Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch hàng năm của Tổ để thực hiện mục tiêu của Trường đã xác định; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch của Tổ; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của Tổ để thực hiện hiệu quả kế hoạch của Tổ hàng năm; phối hợp các tổ chức, lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện kế hoạch của Tổ.

8.4. Đối với Tổ phó chuyên môn: giúp Tổ trưởng chỉ đạo, cụ thể hóa các nhiệm vụ hàng năm trên lĩnh vực được phân công,...

8.5. Đối với giáo viên: Xây dựng kế hoạch công tác hằng năm để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; phối hợp với cha mẹ trẻ để thực hiện nhiệm vụ giáo dục của lớp, nhóm.

8.6. Đối với nhân viên: Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch công tác cá nhân hàng năm, gắn với chức trách nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công để góp phần thực hiện tốt Kế hoạch của nhà trường hàng năm.

9. Kiến nghị, đề xuất

1. Với UBND xã Nghi Ân

- UBND xã Nghi Ân sớm khởi công xây dựng phòng học, các phòng phục vụ học tập và phòng chức năng để kịp thời đưa vào sử dụng trong năm học 2020-2021, hoàn thành mục tiêu công nhận tái chuẩn năm 2021;

- Sớm thực hiện đề án xây dựng trường mầm non cơ sở mới đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất trường mầm non, nâng cao chất lượng giáo dục;

- Các ban ngành đoàn thể địa phương tiếp tục phối hợp với nhà trường trong công tác xã hội hóa giáo dục trong đó có nội dung tài trợ cho giáo dục.

2. Với UBND thành phố Vinh

- **Về đội ngũ CBQL, GV, NV:** Kính đề nghị phòng Nội vụ bố trí đủ số lượng định biên theo vị trí việc làm cho đơn vị kịp thời;

- **Về kinh phí:** Kính đề nghị Phòng Tài chính Kế hoạch có kế hoạch hỗ trợ bổ sung ngân sách đảm bảo các hoạt động cho nhà trường do đặc thù trường vùng xã học phí thu ở mức thấp;

- **Về chuyên môn giáo dục:** Kính đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo thường xuyên hỗ trợ công tác bồi dưỡng đội ngũ, tổ chức tham quan học tập các mô hình trường mầm non chất lượng cao để vận dụng việc tổ chức thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ NGHI ÂN

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nga

Phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Vinh

PHÒNG GD&ĐT TP VINH
TRƯỜNG MẦM NON NGHI AN

Phụ biểu 1
Tổng hợp tình hình đội ngũ CBQL, GV, NV nhà trường
(Thời điểm tháng 9 năm 2020)

TT	Đối tượng	Tổng số	Trình độ						Tin học	Ngoại ngữ	Đảng viên	Tuổi đời					Danh hiệu chuyên môn		Danh hiệu thi đua		Ghi chú
			Chuyên môn			Lý luận CT						Dưới 30	30- dưới 40	40- dưới 50	50 trở lên	GVĐG cấp huyện	GVĐG cấp tỉnh	CSTĐ cơ sở	CSTĐ cấp tỉnh		
			Thầy	Cử nhân	CD	TC	SC	TC													
1	Hiệu trưởng	1		1			1	1	1	1											
2	Hiệu phó	2		2				2	2	2		1	1					2	2		
3	Giáo viên	27		22	4	1	17	1	27	16	10	9	6	2	18	2	10				
4	Nhân viên	2			2				2			2									
	Cộng	32		25	6	1	17	4	32	19	10	12	8	2	18	5	13				

Phụ biểu 2
Tổng hợp tình hình CSVC nhà trường
(Thời điểm tháng 9 năm 2020)

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tình chất xây dựng		Đánh giá theo TT13/2020/TT-BGDDT		Ghi chú
				Kiên cố	Tạm	Đạt	Không đạt	
	Diện tích khuôn viên trường	m ²	3173				x	Thiếu
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo							
	Phòng sinh hoạt chung	Phòng	14			x		
	Phòng ngủ	Phòng	10			x		
	Phòng vệ sinh	Phòng	12	11	1		x	Thiếu
III	Khối phòng phục vụ học tập							
	Phòng làm quen ngoại ngữ	Phòng	1			x		
	Phòng GD thể chất	Phòng					x	Thiếu
	Phòng GD nghệ thuật	Phòng					x	Thiếu
	Phòng làm quen tin học	Phòng					x	Thiếu
III	Khối phòng tổ chức ăn							
	Nhà bếp	Phòng	1			x		
	Kho bếp	Phòng	1			x		
IV	Khối phòng hành chính quản trị	Phòng						
	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	1					
	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	1					
	Văn phòng trường	Phòng					x	Thiếu
	Phòng dành cho nhân viên	Phòng	1		1		x	
	Phòng bảo vệ	Phòng	1			x		

	Khu vệ sinh CBGVNV	Phòng	1				X		
	Khu để xe CBGVNV	Phòng	1				X		
	Phòng hành chính quản trị	Phòng	1				X		
	Phòng làm quen ngoại ngữ	Phòng	1				X		
	Phòng y tế	Phòng	1		1			X	
	Phòng nhân viên	Phòng			1			X	
IV	Khối phụ trợ								
	Sân vườn	m ²	1300					X	Thiếu
	Cổng, hàng rào	m	214				X		
V	Hạ tầng kỹ thuật								
	Hệ thống cấp nước sạch							X	Nước giếng khoan
	Hệ thống cấp điện						X		
	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy						X		
	Hạ tầng công nghệ thông tin						X		
	Khu thu gom rác thải						X		
VI	Mật độ sử dụng đất								
	Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;							X	
	Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%;							X	
	Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.							X	
VII	Thiết bị dạy học được trang bị								
	Đồ chơi ngoài trời	Bộ	15				X		
	Đồ dùng đồ chơi các nhóm lớp	Bộ	14				X		

Phụ biểu 3
Tình hình trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, dự bảo quy mô lớp, học sinh
(Thời điểm tháng 9 năm 2020)

TT	Năm học	Số điểm trường	Số nhóm, lớp	Tổng số cháu	Chia ra								Số cháu ngoài địa bàn	Ghi chú
					Nhóm trẻ		MG 3-4 tuổi		MG 4-5 tuổi		MG 5-6 tuổi			
					Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số cháu	Số lớp	Số cháu	Số lớp	Số cháu		
1	2020 - 2021		14	522	1	25	2	78	5	185	6	227		
2	2021 - 2022		14	492	1	25	2	70	5	175	6	222		
3	2022 - 2023		14	474	1	25	2	70	5	175	6	204		
4	2023 - 2024		16	523	1	25	4	140	5	175	6	173		
5	2024 - 2025		16	550	1	25	4	140	5	175	6	200		

PHÒNG GD&ĐT TP VINH
TRƯỜNG MẦM NON NGHI ÂN

Phụ biểu 4
Tổng hợp chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ
(Thời điểm tháng 9 năm 2020)

TT	Danh mục	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
1	Tỷ lệ trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng SDD	100	
2	Tỷ lệ trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp	100	
3	Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi	98,5	
4	Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi	95	
5	Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non	100	
6	Tỷ lệ trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ	100	

PHÒNG GD&ĐT TP VINH
TRƯỜNG MẦM NON NGHI ÂN

Phụ biểu 5

Tổng hợp kinh phí đầu tư cơ sở vật chất mục tiêu Kế hoạch chiến lược 5 năm giai đoạn 2020-2025

TT	Danh mục	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Dự kiến thuộc nguồn kinh phí	Ghi chú
	Năm học 2020-2021			
1	Bổ sung đồ dùng đồ chơi theo TT01	45	Ngân sách	
2	Sửa chữa phòng 03 phòng vệ sinh các lớp 5 tuổi	64	Tài trợ	
3	Sửa chữa thiết bị nước	41	Tài trợ	
4	Sửa chữa thiết bị điện	14	Học phí	
5	Lát nền sân bếp, đóng trần phòng vệ sinh 02 lớp	20	Học phí	
6	Tì vi phục vụ dạy học	22	Tài trợ	
7	Thiết bị CNTT	28	Học phí	
8	Sửa chữa khác	25	Học phí	
9	Sửa mái chống thấm dầy nhà học số 2, số 3	330	Ngân sách	
10	Xây dựng nhà học 3 tầng	7.200	Ngân sách xã+TP	
11	Bổ sung đồ dùng bán trú	30	KPBT	
12	Trang bị mua sắm thiết bị phòng Giáo dục Nghệ thuật	59	Tài trợ	
	Năm học 2021 - 2022			
1	Làm mái che di động	150	Tài trợ	
2	Sơn lại mặt ngoài dẫy nhà học sơ 1,2,3	49	Tài trợ	
3	Trang bị mua sắm thiết bị phòng Giáo dục thể chất	35	Tài trợ	
4	Trang bị mua sắm thiết bị phòng học tin học	80	Học phí	
5	Bổ sung đồ dùng bán trú	35	KPBT	
6	Bổ sung đồ dùng TT01	45	Ngân sách	
7	Sửa chữa khác	40	Học phí	
8	Sơn lại đồ chơi ngoài trời	16	Tài trợ	
9	Thay thế thiết bị vệ sinh	41	Học phí	

10	Làm lại biên trường	15	Học phí	
	Năm học 2022 - 2023			
1	Bổ sung đồ chơi ngoài trời	45	Tài trợ	
2	Son lại phía trong các phòng học	160	Tài trợ	
3	Bổ sung đồ dùng bán trú	25	KPBT	
4	Mua sắm đồ chơi theo TT01	35	Ngân sách	
5	Thiết bị CNTT	25	Học phí	
6	Sửa chữa khác	45	Tài trợ	
	Năm học 2023 - 2024			
1	Sửa chữa thay thế thiết bị CSVC	250	Tài trợ	
2	Mua sắm trang thiết bị dạy học	100	Ngân sách	
3	Bổ sung đồ dùng bán trú	25	KPBT	
4	Sửa chữa khác	50	Học phí	
	Năm học 2024 - 2025			
1	Sửa chữa thay thế thiết bị CSVC	250	Tài trợ	
2	Mua sắm trang thiết bị dạy học	300	Ngân sách	
3	Bổ sung đồ dùng bán trú	35	KPBT	
4	Sửa chữa khác	100	Học phí	
	Tổng cộng	9.829		

Phụ biểu 6

Lộ trình thực hiện chi tiết chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025

2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025
1. Chất lượng đội ngũ				
- Chuẩn 100%; trên chuẩn 77,8% - Xếp chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt; 13/27 đạt 48%; khá: 14/27 đạt 52%; - Xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Tốt: 3/3 đạt 100% - GVG trường: 21/27 đạt 100% - GVG Thành phố: 05 - Kết nạp: 02 đảng viên	- Chuẩn 100%; trên chuẩn 81,4% - Xếp chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt; 13/26 đạt 50%; khá: 13/26 đạt 50%; - Xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Tốt: 3/3 đạt 100% - GVG trường: 26/26 đạt 100% - GVG Thành phố: 05 - Kết nạp: 02 đảng viên	- Chuẩn 100%; trên chuẩn 85,1% - Xếp chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt; 13/26 đạt 50%; khá: 13/26 đạt 50%; - Xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Tốt: 3/3 đạt 100% - GVG trường: 26/26 đạt 100% - GVG Thành phố: 05 - Kết nạp: 02 đảng viên	- Chuẩn 100%; trên chuẩn 88,9% - Xếp chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt; 16/32 đạt 50%; khá: 16/32 đạt 50%; - Xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Tốt: 3/3 đạt 100% - GVG trường: 32/32 đạt 100% - GVG Thành phố: 05 - Kết nạp: 02 đảng viên	- Chuẩn 100%; trên chuẩn 92,6% - Xếp chuẩn nghề nghiệp giáo viên: Tốt; 16/32 đạt 50%; khá: 16/32 đạt 50%; - Xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng: Tốt: 3/3 đạt 100% - GVG trường: 32/32 đạt 100% - GVG Thành phố: 05 - Kết nạp: 02 đảng viên
2. Phát triển số lượng:				
- Tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch phê duyet. - Huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp MG 3+4 :70%; NT: 30%	- Tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch phê duyet. - Huy động 100% trẻ 5 tuổi; MG 3+4 tuổi: 070%;NT: 30%.	- Tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch phê duyet. - Huy động 100% trẻ 5 tuổi; MG 3+4 tuổi: 70%; NT: 30%.	- Tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch phê duyet. - Huy động 100% trẻ 5 tuổi; MG 3+4 tuổi: 70%; NT: 30%.	- Tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch phê duyet. - Huy động 100% trẻ 5 tuổi; MG 3+4 tuổi: 70%; NT: 30%.
3. Chất lượng CS-GD				
- 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN; - Tỷ lệ chuyên cần: Tỷ lệ	- 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN; - Tỷ lệ chuyên cần: Tỷ lệ	- 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN; - Tỷ lệ chuyên cần: Tỷ lệ	- 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN; - Tỷ lệ chuyên cần: Tỷ lệ	- 100% nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN; - Tỷ lệ chuyên cần: Tỷ lệ

chuyên cần: NT: 90%; MG 3-4 tuổi; 4-5 tuổi: 90%; MG 5-6 tuổi: 95%. - Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi: NT :88%; MG: 96%. - 100% trẻ được tham gia các hội thi, các buổi tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống do trường tổ chức. - Khám sức khỏe: 2lần/năm; - Cân đo tính biểu đồ 3 lần/năm; Giảm tỷ lệ trẻ SDD dưới 2,5%; - 100% trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần.	chuyên cần: NT: 90%; MG 3-4 tuổi; 4-5 tuổi: 90%; MG 5-6 tuổi: 95%. - Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi: NT :88%; MG: 97%. - 100% trẻ được tham gia các hội thi, các buổi tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống do trường tổ chức. - Khám sức khỏe: 2lần/năm; - Cân đo tính biểu đồ 3 lần/năm; Giảm tỷ lệ trẻ SDD dưới 2,5%; - 100% trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần.	chuyên cần: NT: 90%; MG 3-4 tuổi; 4-5 tuổi: 90%; MG 5-6 tuổi: 95%. - Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi: NT :88%; MG: 97%. - 100% trẻ được tham gia các hội thi, các buổi tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống do trường tổ chức. - Khám sức khỏe: 2lần/năm; - Cân đo tính biểu đồ 3 lần/năm; Giảm tỷ lệ trẻ SDD dưới 2,5%; - 100% trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần.	chuyên cần: NT: 90%; MG 3-4 tuổi; 4-5 tuổi: 90%; MG 5-6 tuổi: 95%. - Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi: NT :88%; MG: 97%. - 100% trẻ được tham gia các hội thi, các buổi tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống do trường tổ chức. - Khám sức khỏe: 2lần/năm; - Cân đo tính biểu đồ 3 lần/năm; Giảm tỷ lệ trẻ SDD dưới 2,5%; - 100% trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần.	chuyên cần: NT: 90%; MG 3-4 tuổi; 4-5 tuổi: 90%; MG 5-6 tuổi: 95%. - Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi: NT :88%; MG: 97%. - 100% trẻ được tham gia các hội thi, các buổi tham quan dã ngoại, giáo dục kỹ năng sống do trường tổ chức. - Khám sức khỏe: 2lần/năm; - Cân đo tính biểu đồ 3 lần/năm; Giảm tỷ lệ trẻ SDD dưới 2,5%; - 100% trẻ đảm bảo an toàn thể chất, tinh thần.
--	--	--	--	--

4. Huy động tài trợ GD

- Phân đầu huy động tài trợ số tiền: 187.000.000đ	- Phân đầu huy động tài trợ số tiền: 250.000.000đ	- Phân đầu huy động tài trợ số tiền: 250.000.000đ	- Phân đầu huy động tài trợ số tiền: 250.000.000đ	- Phân đầu huy động tài trợ số tiền: 250.000.000đ
---	---	---	---	---

5. Thi đua

- Tập thể lao động tiên tiến; - Chi bộ: HT T NV - Công đoàn vững mạnh; chi đoàn vững mạnh. - LĐTT: 100% - CSTĐCS: 04	- Tập thể lao động xuất sắc; - Chi bộ: HT XS NV - Công đoàn vững mạnh xuất sắc; chi đoàn đơn vị xuất sắc - LĐTT: 100% - CSTĐCS: 05	- Tập thể lao động xuất sắc; - Chi bộ: HT XS NV - Công đoàn vững mạnh xuất sắc; chi đoàn đơn vị xuất sắc - LĐTT: 100% - CSTĐCS: 05	- Tập thể lao động xuất sắc; - Chi bộ: HT XS NV - Công đoàn vững mạnh xuất sắc; chi đoàn đơn vị xuất sắc - LĐTT: 100% - CSTĐCS: 05	- Tập thể lao động xuất sắc; - Chi bộ: HT XS NV - Công đoàn vững mạnh xuất sắc; chi đoàn đơn vị xuất sắc - LĐTT: 100% - CSTĐCS: 05
--	--	--	--	--